

Số: 37 /2022/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1961/TTr-SXD ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc ban hành Quyết định quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về nội dung, phương pháp xác định, mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

### **Điều 2. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư**

1. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư bao gồm:

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có);

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản do Ban quản lý xã thực hiện hoặc do Ban phát triển thôn thực hiện khi được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) giao;

c) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản cho Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) được giao thực hiện việc thẩm định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Phương pháp xác định:

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có): Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng **1,05%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

c) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng **0,146%** nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

### **Điều 3. Nội dung, phương pháp xác định chi phí quản lý dự án**

#### 1. Chi phí quản lý dự án bao gồm:

a) Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện các công việc sau: tổ chức lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng; quản lý khối lượng, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng, tiến độ, an toàn lao động; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

b) Chi phí giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý xã và của Ban giám sát cộng đồng xã.

#### 2. Phương pháp xác định:

a) Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng được xác định bằng **1,102%** nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

b) Chi phí giám sát thi công xây dựng được xác định bằng **1,971%** nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, phê duyệt đầu tư dự án theo cơ chế đặc thù đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý.

#### 2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, phê duyệt đầu tư dự án theo cơ chế đặc thù đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

b) Giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị.

c) Bảo đảm cân đối, bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ các chi phí theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

#### 4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc

Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập hồ sơ trong trường hợp gặp khó khăn.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc tổ chức thẩm định.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Để tự kiểm tra và đăng tải CSDL);
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT&TH tỉnh;
- Như Điều 5; (thi hành)
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT (TL).

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Tuấn**